

Tuần 14, 17/04/2026

## Niềm vui không dành cho tất cả

### Tiêu điểm:

- Chiều 16/4, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng đã tiếp, làm việc với đoàn doanh nghiệp Hoa Kỳ do Quyền Chủ tịch Hội đồng kinh doanh Hoa Kỳ - ASEAN (USABC) Brian McFeeters dẫn đầu.
- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tính đến tuần đầu tháng 4/2026 cải thiện hơn nhưng bức tranh chung vẫn là chậm và thiếu đồng bộ. Hiện vẫn còn 18 bộ, cơ quan trung ương có tỷ lệ giải ngân dưới 1%...
- Ngày 17/4, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và Phu nhân cùng Đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam rời thành phố Nam Ninh (Quảng Tây), kết thúc tốt đẹp chuyến thăm cấp Nhà nước tới Trung Quốc từ ngày 14–17/4/2026
- Tổng thống Mỹ Donald Trump tuyên bố Israel và Liban đã đạt thỏa thuận ngừng bắn kéo dài 10 ngày

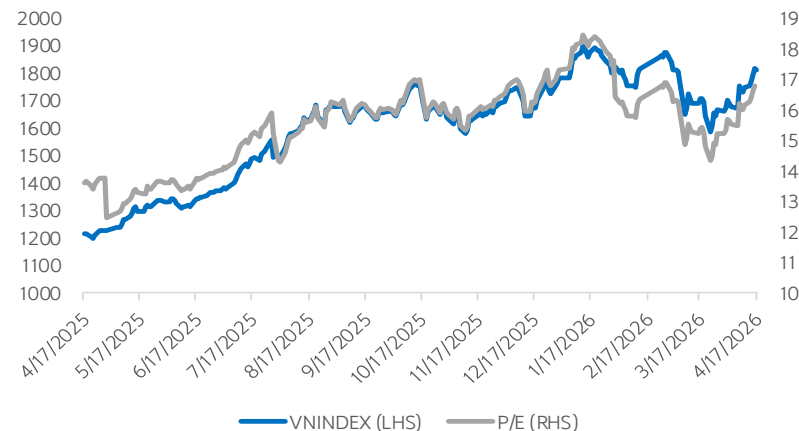
**Đánh giá:** Thị trường có tuần giao dịch tích cực nhưng đà tăng chủ yếu do nhóm VIC đóng góp. Đà lan tỏa kém khi nhóm vốn hóa lớn khác vẫn chủ yếu đi ngang. Vì thế chúng tôi cho rằng tâm lý thị trường vẫn duy trì sự thận trọng như tuần trước. Các tin tức về chiến sự đang có dấu hiệu cải thiện nhưng thị trường vẫn thận trọng và có xu hướng “chai lì” hơn. Trong nước, dòng tiền sẽ tập trung vào các tin tức về KQKD Q1 ước tính và mùa đại hội cổ đông, đây vẫn là động lực chính trong giai đoạn này để khiến thanh khoản cải thiện. Tuy nhiên, sự phân hóa là sâu sắc khiến cho việc chọn lựa cổ phiếu cần phải kĩ lưỡng hơn.

**Góc nhìn kĩ thuật:** VN-Index đóng cửa tuần tại 1,817.1 (+3.84%) trên đồ thị tuần với thanh khoản ổn định. Khối ngoại tiếp tục duy trì bán ròng chủ yếu ở VHM và FPT. Kỳ vọng thị trường sẽ gặp áp lực điều chỉnh vào tuần sau khi tiến về vùng 1,860. Ngưỡng hỗ trợ tâm lý tham chiếu là vùng 1,800 và xa hơn là vùng 1,680.

**Ý tưởng đầu tư.** Nhà đầu tư hạn chế mua đuổi vì xu hướng chính vẫn đang là đi ngang trong biên độ. Ưu tiên các nhóm ngành gắn với động lực nội địa (ngân hàng, vật liệu xây dựng và chứng khoán) và cổ phiếu có KQKD Q1 tăng trưởng tốt. Đối với nhóm bất động sản, sau giai đoạn chiết khấu sâu, tín hiệu dòng tiền quay trở lại đã xuất hiện trong các phiên gần đây.

Tên chỉ số	Giá đóng cửa 1W	% Thay đổi				Xu hướng	Định giá		Vốn hóa (Tỷ USD)
		1M	3M	YTD	P/E		P/B		
VN-Index	1,817	3.8	6.2	-3.3	1.8		16.8	2.2	325
Upcom Index	128	0.8	2.3	1.0	6.1		11.6	1.6	25
HNX Index	260	3.2	5.3	3.1	4.5		13.9	1.5	15
VN30 Index	1,988	3.1	6.1	-4.4	-2.1		15.3	2.3	230
S&P 500 Index	7,041	3.3	4.8	1.5	2.9		27.6	5.5	62,808
STOXX Europe 600 Index	617	0.4	2.4	0.4	4.2		17.7	2.4	18,652
Hang Seng	26,117	0.8	0.9	-2.7	1.9		13.7	1.4	3,990
Nikkei 225	58,476	2.7	8.9	8.4	16.2		23.2	2.8	6,145
SHCOMP Index	4,051	1.6	0.0	-1.2	2.1		1.5	1.5	9,459
STI Index	5,000	0.2	1.3	3.1	7.6		17.3	1.6	588
KOSPI Index	6,192	5.7	9.8	27.9	46.9		23.5	1.9	3,340

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

☎ (84-28) 5808 7603

✉ [nam.h@shinhan.com](mailto:nam.h@shinhan.com)

Theo dõi Zalo của SSV,  
Cập nhật báo cáo mới nhất



Bấm vào hình hoặc quét QR

# WEEKLY SNAPSHOT

## Theo vốn hóa và ngành

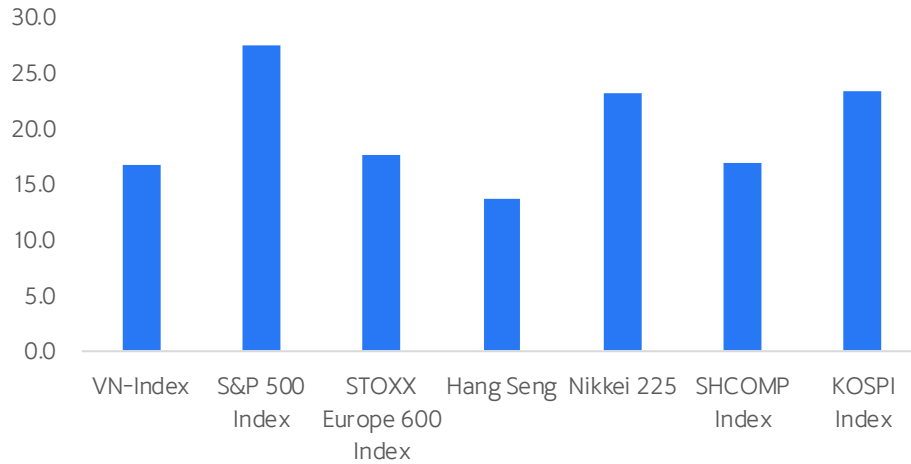


Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)	
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E		P/B
Large Cap	4.2	15.2	-3.1	3.2	3.8	0.9	-18.1	-22.3	90.9	-0.3	15.4	2.4	7,945,714
Mid Cap	-0.1	5.3	-4.5	1.7	8.7	4.3	-23.5	-25.5	8.6	0.4	11.1	1.2	527,753
Small Cap	0.3	2.8	-3.8	-2.4	-2.8	-7.9	-17.6	-17.6	0.5	0.0	11.3	0.7	68,666

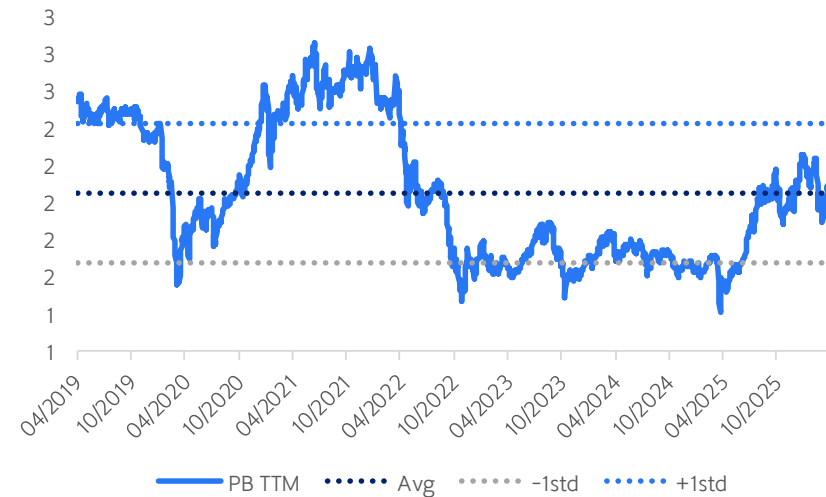
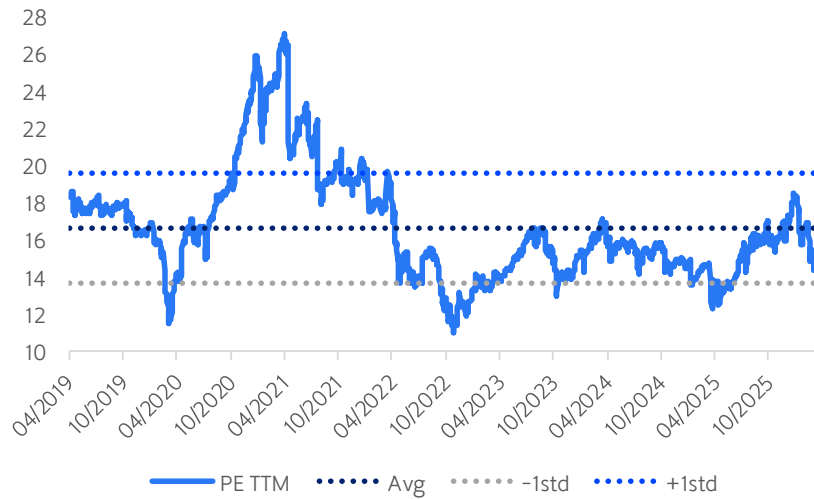
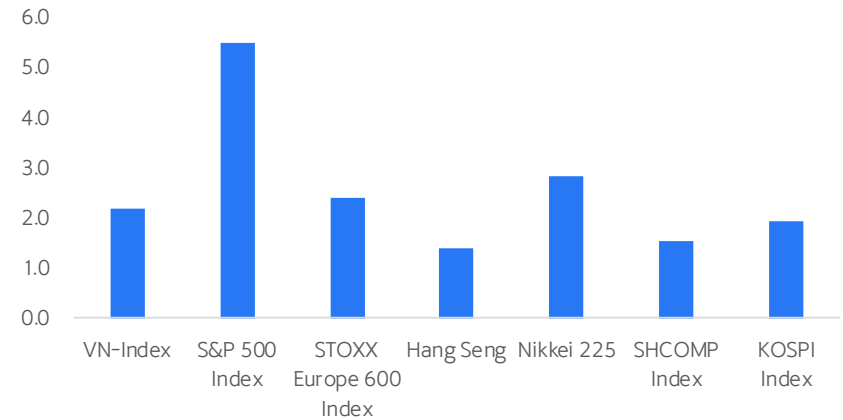
Theo ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)	
	Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change		P/E
Bất động sản	16.4	39.1	9.3	4.2	17.8	20.4	9.3	0.5	18.6	2.1	30.6	3.4	2,435,626
Du lịch và Giải trí	3.3	11.7	-8.6	-8.5	23.9	17.2	4.5	-6.7	1.7	0.3	26.1	4.9	332,703
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.4	4.2	-4.0	6.7	-6.3	-22.0	-57.4	-55.5	0.7	-0.1	11.2	1.7	63,250
Ô tô & Phụ tùng	1.0	7.9	7.2	7.8	-5.8	-11.4	8.2	8.7	0.4	0.0	4.0	1.0	18,666
Xây dựng và vật liệu	0.9	9.7	-3.1	2.5	13.8	14.4	21.5	19.6	7.0	0.5	11.3	1.4	147,551
Tài nguyên cơ bản	0.3	9.5	0.2	6.7	8.9	17.6	-12.0	-13.6	6.2	0.2	14.4	1.5	257,664
Thực phẩm và đồ uống	0.1	2.9	-8.6	-7.4	8.3	-1.6	-33.5	-36.0	5.5	0.2	17.4	3.2	620,122
Bán lẻ	0.0	5.6	2.1	4.5	-18.0	-34.1	-59.1	-58.4	0.6	-0.2	30.9	3.5	46,410
Hóa chất	-0.4	11.1	-5.9	20.7	-5.0	-33.8	-49.1	-48.1	3.2	-0.3	15.9	1.9	230,811
Tiện ích	-0.4	0.2	-16.2	4.1	8.7	-14.4	-50.4	-52.3	1.7	0.1	13.5	2.0	339,140
Ngân hàng	-0.8	8.1	-9.6	2.1	3.5	9.7	-11.0	-19.7	27.6	-0.4	9.5	1.6	2,619,869
Dầu khí	-1.0	0.6	6.2	41.3	8.9	-25.2	-52.2	-53.1	3.1	0.1	25.7	2.3	202,966
Dược và Y tế	-1.1	-1.6	-5.1	-1.2	32.5	56.0	70.3	68.4	0.3	0.1	18.6	2.2	39,722
Truyền thông	-1.2	2.4	-14.4	-9.6	28.8	36.0	-1.6	-4.2	0.1	0.0	22.8	0.9	2,428
Tài chính	-1.2	6.7	-1.6	8.4	-11.8	-8.9	-17.9	-22.0	14.0	-2.6	6.9	2.0	531,947
Công nghệ Thông tin	-2.0	4.0	-27.2	-19.2	23.0	2.9	-40.6	-39.8	3.3	0.5	13.8	3.0	144,109
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-2.9	9.5	-6.8	-3.4	-2.1	-12.4	-26.7	-26.8	5.5	-0.4	15.5	2.2	255,208
Bảo hiểm	-4.4	-2.5	-0.3	20.5	2.3	1.3	-13.4	-21.9	0.4	0.0	15.9	1.9	66,965

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

### P/E



### P/B



# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	31,524	24,292	120,517
Ấn độ	178	-2,709	-2,709	-18,500
Indonesia	-104	-356	-356	-2,303
Nhật Bản*	24,759	43,295	43,295	31,603
Maylaysia	19	197	175	465
Hàn Quốc	794	4,368	4,368	-32,646
Sri Lanka	-1	-7	-7	-71
Đài Loan	5,005	10,594	10,594	-8,318
Thái Lan	-100	257	257	897
Việt Nam	-176	-278	-278	-1,386

\*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
<b>Tổng các quỹ ETF</b>	<b>2,556</b>	<b>-4.2</b>	<b>-44.8</b>	<b>-110.3</b>	<b>-659.5</b>
<b>Nước ngoài</b>	<b>1,792</b>	<b>-4.4</b>	<b>-48.1</b>	<b>-103.2</b>	<b>-532.3</b>
VanEck Vectors Vietnam ETF	554	0.0	-39.1	-82.1	-79.2
Fubon FTSE Vietnam ETF	430	-5.6	-7.8	-29.1	-404.1
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	386	1.2	-1.2	8.0	-26.4
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	216	0.0	0.0	0.0	-12.2
Premia MSCI Vietnam ETF	7	0.0	0.0	0.0	-9.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
<b>Trong nước</b>	<b>763</b>	<b>0.2</b>	<b>3.3</b>	<b>-7.2</b>	<b>-127.2</b>
DCVFMVN Diamond ETF	437	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	234	0.0	3.2	-6.4	-115.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	21	0.0	0.1	1.0	-2.2
MAFN VN30 ETF	31	0.0	-0.4	-2.5	-9.2
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.0	-1.0
VinaCapital VN100 ETF	24	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	0.2	0.4	0.7	0.1

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

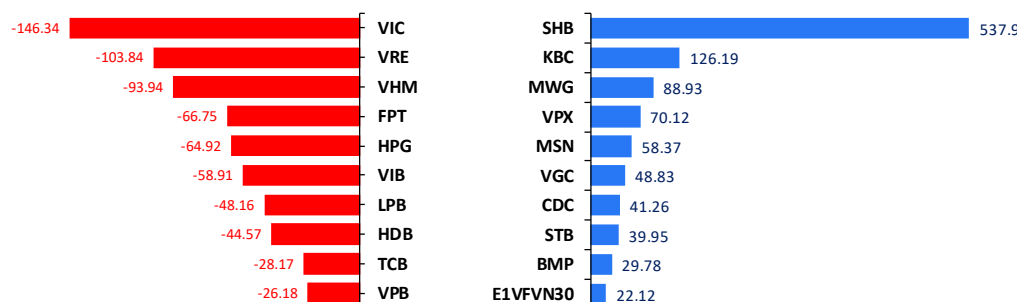
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

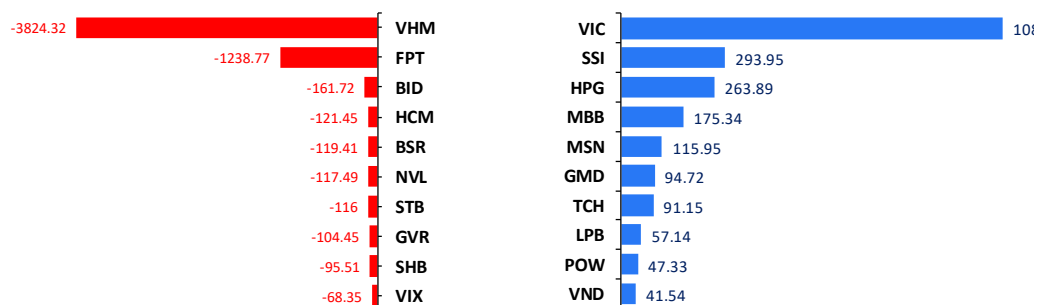
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

### Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



### Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



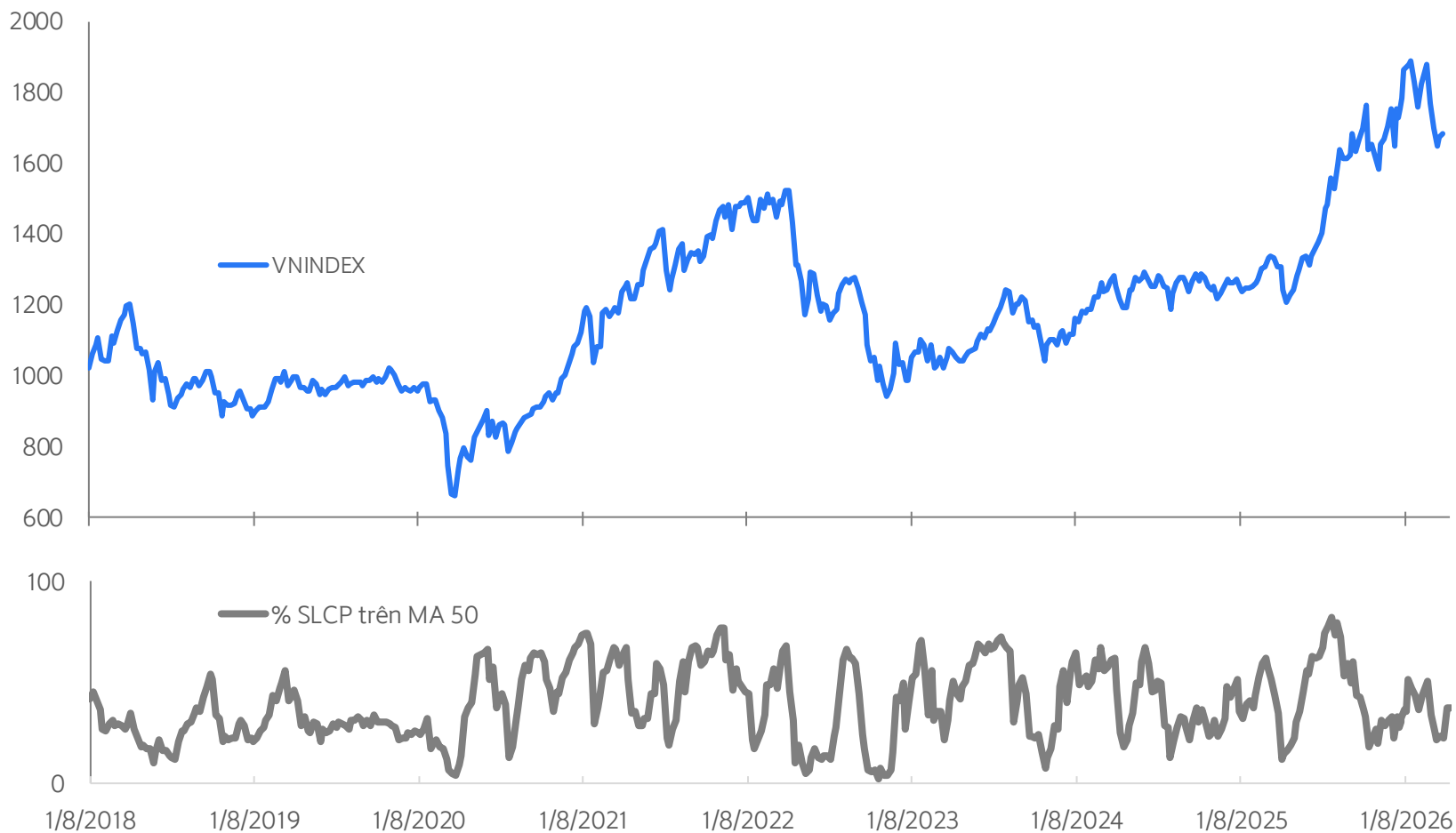
Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

### Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-212	-2,973	659	2,314
Tài nguyên Cơ bản	-65	268	-220	-48
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-6	2	-4	3
Y tế	0	-1	-1	3
Hóa chất	4	-234	223	11
Dịch vụ tài chính	32	135	607	-742
Du lịch và Giải trí	-23	-32	208	-177
Ngân hàng	345	-202	848	-646
Xây dựng và Vật liệu	129	-174	119	55
Thực phẩm và đồ uống	70	95	-384	289
Bán lẻ	92	-6	125	-119
Điện, nước & xăng dầu khí	1	21	353	-374
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2	-38	69	-30
Công nghệ Thông tin	-66	-1,245	580	665
Ô tô và phụ tùng	-4	72	-50	-23
Bảo hiểm	0	-25	45	-20
Dầu khí	8	-204	-14	218
<b>Tổng</b>	<b>303</b>	<b>-4,540</b>	<b>3,164</b>	<b>1,377</b>

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

# WEEKLY SNAPSHOT

## Xu hướng kỹ thuật



Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	53	Neutral	Neutral	DXG	53	Neutral	Neutral	BVH	40	Too hot	Neutral	HPG	56	Strong	Neutral	GEX	55	Strong	Strong
MBB	51	Neutral	Neutral	NVL	71	Too hot	Strong	BMI	35	Neutral	Neutral	NKG	57	Strong	Neutral	VSC	44	Neutral	Weak
HDB	54	Neutral	Neutral	DIG	51	Neutral	Neutral	BIC	49	Neutral	Strong	HSG	62	Strong	Strong	PVT	47	Neutral	Weak
VPB	62	Strong	Strong	VRE	58	Strong	Strong	VIX	52	Strong	Neutral	SMC	60	Strong	Strong	GMD	50	Neutral	Neutral
MSB	67	Strong	Strong	PDR	50	Neutral	Neutral	SSI	51	Strong	Neutral	CII	56	Strong	Strong	HAH	45	Neutral	Weak
TCB	57	Strong	Neutral	VIC	76	Too hot	Strong	VND	50	Strong	Neutral	HHV	57	Strong	Strong	GEE	47	Weak	Neutral
EIB	48	Neutral	Neutral	KDH	49	Neutral	Neutral	VCI	50	Neutral	Neutral	VCG	53	Neutral	Strong	VOS	48	Neutral	Weak
ACB	51	Neutral	Neutral	VHM	69	Too hot	Strong	HCM	75	Too hot	Strong	PCI	47	Neutral	Neutral	APH	45	Neutral	Weak
TPB	49	Neutral	Neutral	TCH	56	Neutral	Strong	TCX	48	Neutral	Weak	FCN	64	Strong	Strong	VTP	46	Neutral	Neutral
STB	51	Neutral	Neutral	KBC	65	Too hot	Strong	ORS	50	Neutral	Neutral	VGC	50	Neutral	Weak	SBG	53	Neutral	Neutral
CTG	50	Neutral	Neutral	HDG	46	Weak	Neutral	VDS	47	Neutral	Weak	DPG	50	Neutral	Neutral	REE	46	Weak	Neutral
VIB	54	Neutral	Neutral	HDC	48	Neutral	Weak	FTS	48	Neutral	Weak	CTD	51	Neutral	Neutral	PAC	41	Weak	Weak
SSB	48	Neutral	Neutral	NLG	50	Neutral	Neutral	CTS	46	Neutral	Weak	CTR	55	Neutral	Neutral	TV2	44	Weak	Weak
VCB	49	Neutral	Weak	DXS	53	Neutral	Strong	BSI	52	Neutral	Neutral	HT1	46	Neutral	Weak	TCM	50	Neutral	Weak
NAB	58	Neutral	Neutral	NTL	45	Neutral	Neutral	TCI	69	Too hot	Strong	CTI	42	Neutral	Weak	TLG	53	Strong	Neutral
OCB	61	Strong	Strong	SIP	59	Strong	Strong	TVB	56	Neutral	Neutral	BMP	61	Too hot	Strong	PNJ	52	Neutral	Neutral
BID	46	Neutral	Weak	SZC	49	Neutral	Weak	DSE	52	Neutral	Neutral					MSH	51	Neutral	Neutral
LPB	55	Neutral	Strong	BCM	51	Strong	Weak												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm & đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	45	Neutral	Weak	PVD	45	Neutral	Weak	MSN	63	Strong	Strong	YEG	46	Neutral	Neutral	VPL	52	Neutral	Neutral
SAM	50	Neutral	Neutral	BSR	48	Neutral	Weak	VNM	46	Neutral	Weak	DCL	18	Weak	Weak	VJC	66	Too hot	Strong
ELC	47	Neutral	Weak	PLX	40	Neutral	Weak	DBC	47	Neutral	Weak	DBD	43	Neutral	Weak	HVN	52	Strong	Weak
CMG	43	Neutral	Weak	POW	52	Neutral	Neutral	BAF	61	Strong	Neutral	TNH	42	Neutral	Weak	SCS	51	Neutral	Neutral
MWG	60	Too hot	Neutral	NT2	46	Neutral	Neutral	SAB	52	Neutral	Neutral	JVC	39	Neutral	Weak	VNG	56	Neutral	Neutral
DGW	54	Neutral	Neutral	GAS	42	Neutral	Weak	ANV	55	Strong	Neutral					HAX	50	Neutral	Neutral
PET	56	Neutral	Strong	GEG	46	Weak	Neutral	VHC	57	Strong	Neutral					DRC	42	Neutral	Weak
FRT	48	Neutral	Weak	PPC	43	Neutral	Neutral	MCH	43	Neutral	Weak								

### Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	NLG	28.55	34	NA	NA	NLG đang được chiết khấu sâu và đang có dấu hiệu tạo đáy. Phù hợp với nhà đầu tư mua nắm giữ lâu dài. Điểm mua ngắn hạn cần chờ thêm
2	KDH	26.05	34	NA	NA	Nhóm bất động sản bị chiết khấu mạnh. KDH có sức khỏe tài chính lành mạnh được kì vọng là khoản đầu tư trung dài hạn. Chờ đợi các tín hiệu kĩ thuật trong ngắn hạn có thể mở mua mới
3	GEG	15.3	18	15.5	17.6%	Nhóm điện tái tạo được hưởng lợi do thời tiết, giá dầu và than tăng cao. GEG đang có xu hướng chững tăng
4	HDG	27.9	30.9	27.05	10.8%	Kì vọng được EVN thanh toán tiền điện, ngừng trích lập dự phòng; cùng với mảng bất động sản cải thiện.
5	VCI	27.3	31.1	27.4	13.9%	VCI có mức định giá thấp so với trung bình quá khứ, kì vọng được hưởng lợi từ nâng hạng thị trường. Hiện cổ phiếu đã xác nhận xu hướng tăng, cần chờ đợi nhịp retest
6	POW	13.25	15.5	NA	17.0%	Số ước phòng KQKD Q1 tốt với sản lượng và doanh thu cao. Cổ phiếu đang trong giai đoạn cân bằng chờ nhịp bứt phá

### HSX

#### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DCL	Y tế	19.00 - 62.80	36.9	-11.8%
2	GEE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	65.83 - 246.00	179.5	-8.4%
3	GEL	Xây dựng và Vật liệu	30.80 - 42.60	33.0	-8.2%
4	VNE	Xây dựng và Vật liệu	2.70 - 8.62	3.6	-8.1%
5	PLP	Hóa chất	3.86 - 8.60	4.5	-7.6%

\* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

#### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
23.9%	187.9	29.00 - 200.00	Bất động sản	VIC
22.2%	19.5	7.93 - 20.45	Xây dựng và Vật liệu	CDC
21.1%	9.6	7.31 - 110.20	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	SMA
20.8%	14.3	8.89 - 15.60	Ô tô và phụ tùng	TMT
18.3%	14.2	9.72 - 115.00	Hàng cá nhân & Gia dụng	NHT

### HNX

#### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	BBS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.70 - 22.00	10.2	-20.9%
2	KSD	Hàng cá nhân & Gia dụng	3.70 - 8.20	4.1	-16.3%
3	HHC	Thực phẩm và đồ uống	85.00 - 167.00	92.0	-16.1%
4	SGH	Du lịch và Giải trí	18.00 - 31.00	22.0	-14.4%
5	CTP	Thực phẩm và đồ uống	4.80 - 23.30	6.7	-14.1%

#### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
23.8%	101.0	54.10 - 101.60	Bất động sản	KSF
21.7%	8.4	4.90 - 8.50	Y tế	DVM
17.5%	94.0	72.20 - 129.90	Thực phẩm và đồ uống	SGC
17.2%	15.0	7.75 - 25.84	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PRC
16.9%	8.3	5.40 - 9.50	Bất động sản	AAV

### Upcom

#### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VNX	Truyền thông	0.30 - 13.30	0.3	-97.7%
2	L35	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.00 - 5.50	2.5	-44.4%
3	PNG	Bán lẻ	16.60 - 49.30	25.3	-39.9%
4	VHF	Tiêu dùng không thiết yếu	2.30 - 19.50	2.3	-37.8%
5	BBH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9.70 - 19.20	10.6	-37.6%

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

#### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
70.4%	4.6	2.00 - 4.60	Bán lẻ	TH1
47.4%	28.0	7.10 - 28.00	Hàng cá nhân & Gia dụng	VDG
38.1%	29.0	15.00 - 29.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HLS
36.8%	30.1	12.00 - 30.10	Thực phẩm và đồ uống	HHB
30.4%	3.0	1.60 - 3.30	Bất động sản	EFI

### Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	ACC	Đầu tư và XD Bình Dương ACC	Xây dựng và Vật liệu	2,538.8	668.6	12.5	3.65 - 5.73	7.3
2	BFC	Phân bón Bình Điền	Hóa chất	18,023.0	257.7	66.6	39.20 - 77.90	15.0
3	SGN	Phục vụ mặt đất Sài Gòn	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	579.2	245.3	50.6	50.20 - 77.00	-1.7
4	QCG	Quốc Cường Gia Lai	Bất động sản	17,869.1	243.7	14.1	9.96 - 18.80	-4.7
5	TLG	Tập đoàn Thiên Long	Hàng cá nhân & Gia dụng	14,792.1	171.2	50.8	40.91 - 63.45	0.8
6	CDC	Chương Dương Corp	Xây dựng và Vật liệu	35,899.6	162.8	19.5	7.93 - 20.45	22.2
7	SZL	Sonadezi Long Thành	Bất động sản	2,597.5	150.0	49.6	37.60 - 52.00	2.0
8	MSB	MSB Bank	Ngân hàng	235,315.2	136.4	12.7	8.79 - 15.63	-0.8
9	HPA	Phát triển nông nghiệp Hòa Phát	Thực phẩm và đồ uống	3,967.6	110.6	37.8	36.25 - 45.00	0.1
10	HSG	Tập đoàn Hoa Sen	Tài nguyên Cơ bản	83,789.1	101.4	16.0	12.40 - 21.20	4.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

### Tỷ giá

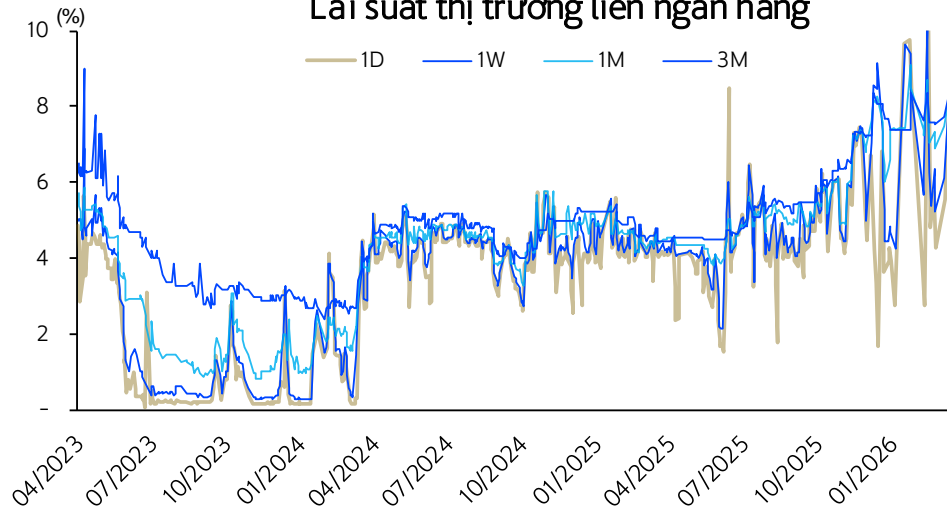
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	98.21	-0.4	-1.4	-1.2	-0.1	
VND/USD	26,336	0.0	0.2	0.3	0.1	
KRW/USD	1,482.45	-0.1	-0.4	0.6	3.0	
JPY/USD	159.28	0.0	0.2	0.7	1.6	
EUR/USD	0.85	-0.5	-2.1	-1.2	-0.3	
SGD/USD	1.27	-0.1	-0.3	-0.9	-1.0	
CNY/USD	6.83	0.0	-0.8	-2.0	-2.3	

### Hàng hóa

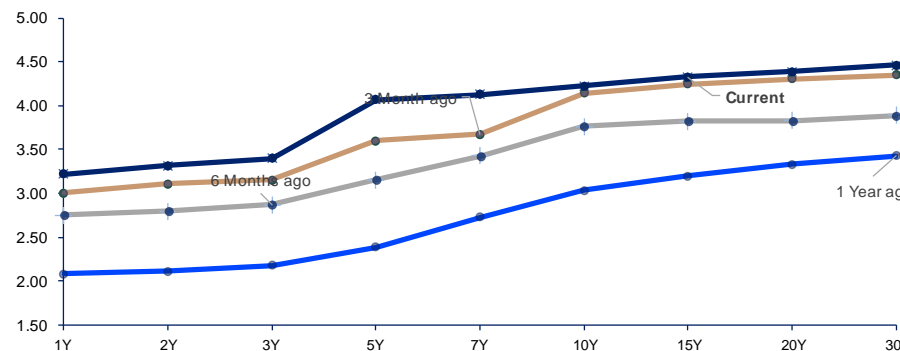
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	93.76	-2.9	-2.5	57.7	63.3	
Xăng	315.53	3.9	1.0	76.7	85.0	
Gas	2.67	0.9	-11.9	-13.9	-27.5	
Than	133.55	-1.4	0.9	22.7	24.2	
Vàng	4,787.46	0.8	-4.4	2.5	10.8	
Bạc	79.00	4.1	-0.4	-16.3	10.2	
Platinum	2,091.14	2.1	-1.8	-12.0	1.5	
Quặng sắt	107.11	0.8	1.7	0.0	0.0	
Thép cán	3,320.00	0.9	1.0	0.7	1.5	
Lúa mì	600.50	NA	1.8	15.9	18.4	
Ngô	450.75	NA	-0.7	6.1	2.4	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

### Lãi suất thị trường liên ngân hàng



### Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.22	3.31	3.40	4.07	4.13	4.23	4.33	4.25	3.82
Thay đổi (WoW)	0.40	0.50	0.00	-0.60	-0.30	-0.80	0.50	0.60	-0.30

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

## SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd  
Shinhan Investment Tower  
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,  
Seoul, Korea 150-712  
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702  
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.  
1325 Avenue of the Americas Suite 702,  
New York, NY 10019  
Tel : (1-212) 397-4000  
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.  
Unit 7705 A, Level 77  
International Commerce Centre  
1 Austin Road West  
Kowloon, Hong Kong  
Tel : (852) 3713-5333  
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia  
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.  
22-23, Jakarta, Indonesia  
Tel : (62-21) 5140-1133  
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.  
Shanghai Representative Office  
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,  
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China  
Tel : (86-21) 6888-9135/6  
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,  
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.  
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.  
Tel : (84-8) 6299-8000  
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
Hanoi Branch  
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,  
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,  
Hanoi, Vietnam.  
Tel : (84-8) 6299-8000



## Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

## Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.